

Số: /2025/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý các hoạt động có liên quan trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ các Nghị định: số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /SXD-TTr ngày tháng năm 2025 và Báo cáo thẩm định số /STP-BCTĐ của Sở Tư pháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị cung cấp nước sạch và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: TH, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH
PHÂN CẤP QUẢN LÝ VỀ SẢN XUẤT, CUNG CẤP, TIÊU THỤ NƯỚC
SẠCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND/
 ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này phân công, phân cấp quản lý các hoạt động có liên quan trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Nguyên tắc phân công, phân cấp quản lý về hoạt động sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước

Hoạt động sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An phải tuân thủ theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các văn bản pháp luật hiện hành, bảo đảm phát triển hoạt động cấp nước bền vững, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch với chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật.

Chương II: PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 3. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng

Là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

a) Thực hiện nhiệm vụ là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn, chống thất thoát thất thu nước sạch của tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên theo quy định hiện hành.

c) Chủ trì thẩm định các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch cấp nước vùng, đô thị trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt; tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt;

d) Phối hợp Sở Tài chính thẩm định phương án giá nước sạch khu vực đô thị, khu công nghiệp;

đ) Là đầu mối tổng hợp nhu cầu đầu tư xây dựng công trình cấp nước đô thị trên địa bàn toàn tỉnh;

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, phát hiện kịp thời, xử lý các hành vi xâm phạm công trình cấp nước;

g) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình quản lý cấp nước trên địa bàn tỉnh.

h) Tổ chức thực hiện các chỉ đạo về đảm bảo an toàn cấp nước, cung cấp đủ lượng nước, áp lực nước và bảo đảm chất lượng nước sinh hoạt theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

i) Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm tra chất lượng, công tác quản lý xây dựng công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh;

k) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, tiến độ, hiệu quả việc thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn cấp nước, chống thất thoát, thất thu nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch tại các khu vực đô thị và khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

2.1. Là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Là đầu mối tổng hợp nhu cầu đầu tư xây dựng công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì xây dựng quy hoạch cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt; tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt;

c) Phối hợp Sở Tài chính thẩm định phương án giá nước sạch khu vực nông thôn; phương án cấp bù từ ngân sách trong trường hợp giá được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thấp hơn chi phí nước sạch được tính đúng, tính đủ;

d) Tham gia đóng góp ý kiến các cơ chế chính sách về cấp nước sạch khu vực nông thôn;

đ) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về cấp nước nông thôn; phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về cấp nước nông thôn; kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về cấp nước nông thôn.

e) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã phối hợp với các đơn vị cấp nước tại khu vực nông thôn xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư 23/2022/TT-BNNPTNT. Tiến hành tổ chức triển khai công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, tiến độ, hiệu quả cũng như tổng kết việc thực hiện kế hoạch đối với khu vực nông thôn.

g) Thực hiện công tác quản lý nhà nước toàn diện đối với các hệ thống, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

h) Chủ trì, phối hợp với các Sở ban ngành và các đơn vị có liên quan trong công tác quản lý, giám sát chất lượng nước sạch, nguồn nước và vệ sinh môi trường vùng thượng nguồn các công trình xử lý nước sinh hoạt nông thôn; lập phương án khắc phục xử lý các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nước sạch của hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn trên toàn tỉnh.

i) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên theo quy định hiện hành.

2.2. Thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước

a) Thực hiện các quy định của Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh;

b) Thực hiện công tác kiểm tra, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước;

d) Thực hiện công tác quản lý nhà nước toàn diện về chất lượng nguồn nước thô cho các nhà máy nước trên địa bàn tỉnh;

đ) Tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép hành nghề kinh doanh khoan nước dưới đất, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khoanh định, công bố vùng phải đăng ký, khai thác và quy định cụ thể thẩm quyền tổ chức việc đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước để cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước theo quy định;

g) Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về giá nước thô cung cấp để sản xuất nước sạch sinh hoạt;

h) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố vùng bảo hộ vệ sinh theo quy định; đôn đốc, hướng dẫn, giám sát đơn vị cấp nước sạch thực hiện việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; Kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt công trình khai thác nước của đơn vị cấp nước sạch.

i) Chủ trì phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trình UBND cấp tỉnh phê duyệt theo đúng quy định tại Điều 6 Thông tư 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 và báo cáo kết quả về cơ quan thường trực Ban chỉ đạo để tổng hợp, theo dõi;

k) Chủ trì thực hiện cấp phép khai thác nước đối với các công trình cấp nước; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đảm bảo theo đúng thẩm quyền và đúng quy định.

l) Tổ chức kiểm tra các nội dung về nước thô đối với các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Kiểm tra sản lượng nước thô cung cấp cho các nhà máy sản xuất nước sạch: 01 tháng/lần.

- Kiểm tra chất lượng nguồn nước thô theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành: 01 tháng/lần tại các vị trí lấy nước thô của nhà máy.

- Kiểm tra Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước: theo thời gian cấp phép.

- Kiểm tra phương án ứng phó sự cố ô nhiễm nguồn nước (tràn dầu, hóa chất, sạt lở đất, lũ lụt,...): 01 năm/lần.

- Kiểm tra năng lực dự phòng: hồ chứa lắng, bể dự trữ, phương án cấp nước khẩn cấp nếu nguồn nước thô bị sự cố: 06 tháng/lần.

Sau khi kiểm tra, báo cáo kết quả về Sở Xây dựng (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn, chống thất thoát thất thu nước sạch) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư các dự án trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định giá nước sạch sinh hoạt theo từng vùng phục vụ; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh về giá nước sạch sinh hoạt; đồng thời tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng để theo dõi và điều chỉnh khung giá nước sạch tại các đô thị trên địa bàn tỉnh khi cần thiết;

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên theo quy định hiện hành.

e) Tổ chức kiểm tra các nội dung về nước sạch đối với các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Kiểm tra sản lượng nước sạch theo doanh thu hàng tháng: 03 tháng/lần.

- Kiểm tra việc thực hiện giá bán nước sạch theo quyết định của UBND tỉnh, công khai minh bạch: 01 năm/lần.

3. Sở Y tế

a) Tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, thông tư, quyết định của ngành y tế về chất lượng nước sạch sinh hoạt; Trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn về nước sạch, tổng hợp và ban hành Bộ các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra, đánh giá và đảm bảo các loại hóa chất, vật liệu, thiết bị dùng trong xử lý nước và vận chuyển nước sạch sinh hoạt không được ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước và sức khỏe của người tiêu dùng.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra chất lượng nước sạch sinh hoạt (kiểm tra định kỳ và đột xuất) của các đơn vị cấp nước đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng nước theo quy định; Thực hiện kiểm tra chất lượng nước sạch sau xử lý theo quy chuẩn hiện hành 01 lần/tháng (ưu tiên lấy mẫu tại khu vực gần nhất và khu vực xa nhất so với nguồn cấp của nhà máy nước sạch, mỗi khu vực lấy tối thiểu 03 mẫu).

Sau khi kiểm tra, báo cáo kết quả về Sở Xây dựng (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh mục các đề xuất chương trình, đề tài nghiên cứu, dự án thí điểm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

b) Chủ trì hướng dẫn và tổ chức khai thác, ứng dụng, tuyên truyền đổi mới công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tìm kiếm, công nghệ, nhập khẩu công nghệ, khai thác sáng chế, giải mã và làm chủ công nghệ trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

c) Chủ trì thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

d) Chủ trì hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

đ) Chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm tra về đo lường đối với phương tiện đo, phép đo, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; việc thử nghiệm phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

e) Phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và của cơ quan cấp trên.

g) Phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan trong việc xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn; kiểm tra phát hiện và khắc phục sự cố, xử lý (theo thẩm quyền) các hành vi vi phạm trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch thuộc các hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Công an tỉnh

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, chính quyền địa phương kiểm tra, xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường và nguồn nước, những hành vi vi phạm pháp luật khác trong hoạt động cấp nước nhằm bảo vệ nguồn nước, chống thất thoát, thất thu nước sạch.

b) Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam

a) Tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước, ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trên địa bàn do mình quản lý;

b) Chủ động theo dõi và phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc cung cấp nước sạch đảm bảo hoạt động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước và phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước an toàn với đơn vị cấp nước theo quy định hiện hành; tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn quản lý và đề xuất các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn trình cơ quan có thẩm quyền xem xét; bảo đảm các dịch vụ cấp nước đầy đủ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện các quy định về bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn quản lý theo các quy định của pháp luật hiện hành; Chỉ đạo việc khắc phục, xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước tại vị trí thu nước của công trình cấp nước và các công trình thuộc hệ thống cấp nước trong phạm vi thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đối với nội dung vượt thẩm quyền.

3. Phối hợp với các đơn vị cấp nước sạch và các cơ quan liên quan trên địa bàn xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa sau khi được phê duyệt, công bố; Tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn theo thẩm quyền.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, thúc đẩy tiến độ triển khai các dự án đầu tư lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch ngoài ngân sách.

5. Tổ chức tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của người dân tại địa phương mình quản lý về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.

Điều 5. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước

1. Thực hiện công tác ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định.

2. Tổ chức lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn. Định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất) cập nhật, rà soát và điều chỉnh Kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện có hiệu quả mục tiêu đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định, bền vững.

3. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch theo đúng lộ trình và nhiệm vụ đã được phê duyệt.

4. Lập bộ phận cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch của đơn vị để xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch.

5. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, báo cáo công tác triển khai kế hoạch cấp nước an toàn và chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch. Đề xuất các giải pháp triển khai kế hoạch cấp nước an toàn và chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch hiệu quả nhất.

6. Phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá các tác động ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, đề xuất các biện pháp quản lý các nguồn ô nhiễm nhằm bảo vệ và duy trì chất lượng nước; đề xuất phương án xử lý kiến nghị đến cơ quan quản lý hệ thống cấp nước tại khu vực và kịp thời thông báo tình hình chất lượng nước về Ban Chỉ đạo để được xem xét giải quyết đúng quy định. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra chất lượng, sản lượng nước thô, nước sạch.

7. Xác định ranh giới, lắp đặt biển báo, tổ chức bảo vệ an toàn khu vực thu nước, hệ thống cấp nước; phát hiện và ngăn chặn kịp thời, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm, gây mất an toàn cho hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý;

8. Kịp thời xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp nước sạch ổn định cho khách hàng, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố, Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo trong vòng 01 ngày kể từ khi có sự cố.

9. Thực hiện lắp đặt thiết bị quan trắc tài nguyên nước và giám sát các thông số của nguồn nước cấp cho các nhà máy sản xuất nước sạch theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 và Thông tư 03/2024/TT-BTNMT.

10. Thường xuyên quan trắc, theo dõi chất lượng nguồn nước mặt và nước sinh hoạt theo đúng quy định;

11. Đề xuất lựa chọn các nguồn nước khai thác lâu dài, dự phòng và công nghệ xử lý phù hợp theo từng giai đoạn nhằm bảo đảm cung cấp dịch vụ cấp nước đạt chất lượng và hiệu quả. Có phương án khai thác nguồn nước khác để thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đang khai thác.

12. Phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa sau khi được phê duyệt và công bố.

13. Bảo vệ nguồn nước đang khai thác, sử dụng, theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

14. Thống nhất với các sở, ngành, chính quyền địa phương trong quá trình tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống cấp nước bảo đảm phù hợp với quy hoạch cấp nước được phê duyệt và kế hoạch cấp nước an toàn của tỉnh.

15. Tham gia tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.

Chương III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành, các địa phương và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra hướng dẫn việc thực hiện Quy định này; trường hợp có phát sinh vướng mắc kịp thời tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.